

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 13

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Chữ số 8 trong số thập phân 95,824 có giá trị là:

- A. $\frac{8}{1000}$ B. $\frac{8}{100}$ C. $\frac{8}{10}$ D. 8

Phương pháp

Xác định hàng chứa chữ số 8 từ đó tìm được giá trị của chữ số đó trong số đã cho

Lời giải

Chữ số 8 trong số thập phân 95,824 có giá trị là $\frac{8}{10}$

Chọn C

Câu 2. $3\frac{9}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 3,900 B. 3,09 C. 3,9 D. 3,90

Phương pháp

Viết hỗn số đã cho về dạng số thập phân

Lời giải

$3\frac{9}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là: 3,09

Chọn B

Câu 3. Tìm số tự nhiên x biết: $69,98 < x < 70,001$

- A. $x = 69$ B. $x = 70$ C. $x = 69,99$ D. $x = 69,980$

Phương pháp

So sánh các số rồi tìm số thích hợp

Lời giải

$69,98 < 69,99 < 70,001$

Chọn C

Câu 4. Số gồm sáu trăm, bốn chục, hai đơn vị và tám phần mười viết là:

- A. 6,428 B. 64,28 C. 642,8 D. 0,642

Phương pháp

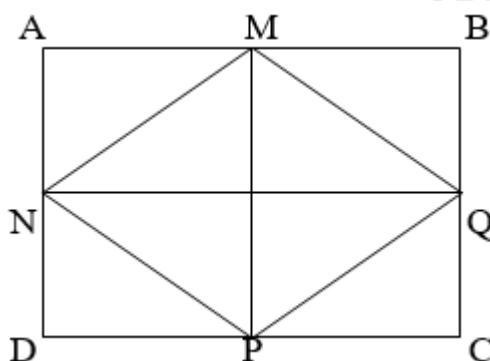
Viết số lần lượt từ phần nguyên, dấu phẩy rồi đến phần thập phân

Lời giải

Số gồm sáu trăm, bốn chục, hai đơn vị và tám phần mười viết là: 642,8

Chọn C

Câu 5. Quan sát hình dưới đây và tính diện tích của hình thoi MNPQ. Biết: $BC = 52$ cm; $AB = 75$ cm.



- A. 3900 m^2 B. 3900 cm^2 C. 1950 cm^2 D. 1950 m^2

Phương pháp

Diện tích hình thoi bằng tích độ dài hai đường chéo chia cho 2

Lời giải

Ta có $MP = BC = 52$ cm ; $NQ = AB = 75$ cm

Diện tích của hình thoi MNPQ là: $(52 \times 75) : 2 = 1950 \text{ (cm}^2\text{)}$

Chọn D

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

- a) $9\text{m } 6\text{dm} = \dots\dots\dots\text{m}$
 b) $2\text{cm}^2 \text{ } 5\text{mm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$
 c) $5 \text{ tấn } 62\text{kg} = \dots\dots\dots\text{tấn}$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\text{m} = 10 \text{ dm}$, $1 \text{ cm}^2 = 100 \text{ mm}^2$, $1 \text{ tấn} = 1000 \text{ kg}$

Lời giải

- a) $9\text{m } 6\text{dm} = \mathbf{9,6 \text{ m}}$
 b) $2\text{cm}^2 \text{ } 5\text{mm}^2 = \mathbf{2,05 \text{ cm}^2}$
 c) $5 \text{ tấn } 62\text{kg} = \mathbf{5, 062 \text{ tấn}}$

Câu 2: Tính

- a) $\frac{2}{5} + \frac{5}{6}$ b) $4 - 2\frac{1}{3}$ c) $\frac{4}{7} + \frac{1}{4} : \frac{2}{3}$ d) $\frac{3}{4} : \frac{2}{3} \times \frac{8}{9}$

Phương pháp

Thực hiện tính theo các quy tắc đã học

Lời giải

$$a) \frac{2}{5} + \frac{5}{6} = \frac{12}{30} + \frac{25}{30} = \frac{37}{30}$$

$$b) 4 - 2\frac{1}{3} = 4 - \frac{7}{3} = \frac{12}{3} - \frac{7}{3} = \frac{5}{3}$$

$$c) \frac{4}{7} + \frac{1}{4} : \frac{2}{3} = \frac{4}{7} + \frac{1}{4} \times \frac{3}{2} = \frac{4}{7} + \frac{3}{8} = \frac{32}{56} + \frac{21}{56} = \frac{53}{56}$$

$$d) \frac{3}{4} : \frac{2}{3} \times \frac{8}{9} = \frac{3}{4} \times \frac{3}{2} \times \frac{8}{9} = \frac{9}{8} \times \frac{8}{9} = 1$$

Câu 3: Một bếp ăn chuẩn bị số gạo cho 36 người ăn trong 50 ngày. Nhưng thực tế có 60 người ăn, hỏi số gạo đã chuẩn bị đủ dùng trong bao nhiêu ngày? (Mức ăn của mỗi người như nhau)

Phương pháp

- Tìm số ngày để 1 người ăn hết số gạo đó
- Tìm số ngày để 60 người ăn hết số gạo đó

Lời giải

1 người ăn số gạo đó trong số ngày là:

$$50 \times 36 = 1800 \text{ (ngày)}$$

60 người ăn số gạo đó trong số ngày là:

$$1800 : 60 = 30 \text{ (ngày)}$$

Đáp số: 30 ngày

Câu 4: Một khu vườn hình vuông có chu vi 1000m. Diện tích khu vườn đó bằng bao nhiêu mét vuông? Bao nhiêu héc-ta?

Phương pháp

- Tìm cạnh của khu vườn hình vuông
- Tìm diện tích khu vườn

Lời giải

Cạnh khu vườn hình vuông là:

$$1000 : 4 = 250 \text{ (m)}$$

Diện tích khu vườn đó là:

$$250 \times 250 = 62500 \text{ (m}^2\text{)} = 6,25 \text{ (ha)}$$

Đáp số: 62500 m²; 6,25 ha